

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày: 14-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2/ Ông Nguyễn Văn Triệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huê, Thư ký – Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Liệt, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Trầm Văn T, sinh ngày 01/01/1983, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên cha Trầm Văn K, sinh năm 1954 (chết) và mẹ Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; Có vợ Trần Thị Thu T, sinh năm 1980 và 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 02/9/2022 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Lâm Văn T, sinh năm 1964; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 24/8/2022, qua công tác trinh sát quản lý địa bàn và đối tượng, trinh sát Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, phát hiện Trần Văn T đang điều khiển xe mô tô biển số 84F5-8394 lưu thông trên tuyến đường nhựa nội bộ thuộc ấp T, xã M có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện tại lai quần bên trái của T đang mặc có 01 túi nhựa loại vuốt mép, có viền màu đỏ, được hơ kín một đầu bên trong có chứa chất tinh thể rắn nghi là chất ma túy nên lập biên bản, thu giữ và niêm phong túi nhựa trên. Ngoài ra, còn thu giữ của T những đồ vật sau: 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, hiệu OPPO, màn hình đã bị nứt (đã được niêm phong); 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (được niêm phong); 01 xe mô tô hai bánh, biển số 84F5-8394.

Qua làm việc, T thừa nhận: túi nhựa loại vuốt mép, có viền màu đỏ, được hơ kín một đầu mà Cơ quan điều tra kiểm tra phát hiện, thu giữ trong lai quần bên trái là của T, bên trong túi nhựa là chất ma túy, loại ma túy đá T mua vừa mua của người đàn ông không rõ họ tên và địa chỉ ở trước khu vực tòa nhà Viettel Trà Vinh thuộc khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với số tiền 400.000 đồng. Mục đích cất giữ số ma túy trên là để T sử dụng.

Kết luận giám định số: 458/KL-KTHS, ngày 27/8/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) túi nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,7361 gam.

Tại cáo trạng số: 07/VKS-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 24/8/2022.

Vị còn đề nghị xem xét xử lý vật chứng trong vụ án và án phí đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Văn T không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và chăm sóc mẹ già, con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người quả tang, kết quả giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 15 giờ, ngày 24/8/2022, trên tuyến đường nhựa nội bộ thuộc ấp T, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, cơ quan công an phát hiện trong lai quần bên trái của Trần Văn T đang mặc có 01 túi nhựa loại vuốt mép, có viền màu đỏ, được hơ kín một đầu bên trong có chứa 0,7361 gam ma túy, loại Methamphetamine. Mục đích T tàng trữ là để sử dụng.

[3] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý của nhà nước về ma túy, ma túy là chất gây nghiện rất độc hại; nó làm ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ của người sử dụng, nó làm cho con người mất lý trí, hành xử một cách vô ý thức và gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác rất nguy hiểm.

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý không chỉ xâm phạm đến trật tự địa phương mà còn xâm phạm nghiêm trọng đến pháp luật hình sự. Bản thân bị cáo đã trưởng thành, bị cáo đã nhận thức được việc tàng trữ việc sử dụng ma túy sử dụng là pháp luật cấm; bị cáo thích thỏa mãn cho bản thân, sống truy lạc bất chấp hậu quả xảy ra bị cáo không màng đến.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn nhận tội, đã ăn

năn, hồi cải nhận thức được lỗi lầm, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có cậu ruột là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về quan điểm và đề nghị của vị kiểm sát viên có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng ma túy; Vỏ bao gói và mẫu tinh thể rắn màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,6992 gam để trong bao thư niêm phong số 458/M là dụng cụ và chất ma túy nên tịch thu tiêu hủy. 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng hồng, loại màn hình cảm ứng, bị bể màn hình và một xe mô tô biển số 84F5-8394 không liên quan vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 100.000 đồng của bị cáo giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tạm quản lý để đảm bảo thi hành án án phí hình sự.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trầm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trầm Văn T 01 (Một) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2022.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ để sử dụng ma túy; Vỏ bao gói và mẫu tinh thể rắn màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,6992 gam để trong bao thư niêm phong số 458/M;

Hoàn trả lại cho bị cáo Trầm Văn T:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng hồng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng (cũ), bị bể màn hình.

- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 84F5-8394, số máy: 1P53FMH10355017, số khung: LFDL11010355330 (xe cũ, trầy xước).

Đối với số tiền 100.000 đồng của bị cáo Trần Văn T giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tạm quản lý để đảm bảo thi hành án án phí hình sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên

